

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

Số: 20/2023/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thành phố B, ngày 30 tháng 01 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE - TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các điều 211, 213, 361, 396, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 11/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Nguyễn Trung H**, sinh năm 1973;

Thường trú: số A, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà **Nguyễn Thị Ngọc D**, sinh năm 1977;

Thường trú: số A, phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: số B ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre. (Theo xác nhận tạm trú của Công an xã M ngày 29/12/2022).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Ngọc D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22/6/1996. Hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay cãi nhau. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2003 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H và bà D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận này của ông H và bà D là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về con chung: ông H và bà D khai có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 15/4/1999. Con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: ông H và bà D khai không có nên không xem xét.

[4] Lệ phí Tòa án: ông H và bà D thống nhất tự nguyện chịu 300.000 đồng tiền lệ phí việc dân sự là phù hợp với quy định tại Điều 149 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xét thấy: các thỏa thuận trên của ông H và bà D là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên ghi nhận. Quá trình giải quyết, ông H và bà D đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Ngọc D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Ngọc D có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 15/4/1999. Con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

- Về tài sản chung: ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Ngọc D khai không có nên không xem xét.

- Về nợ chung: ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Ngọc D khai không có nên không xem xét.

2. Về lệ phí: lệ phí việc dân sự là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Trung H và bà Nguyễn Thị Ngọc D tự nguyện liên đới chịu nhưng được khấu trừ theo biên lai số: XYZ ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre; (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre (1b);
- UBND phường B, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh - số 32 ngày 22/6/1996 (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ; VP (4b).

THẨM PHÁN

(đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như